

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Hữu Trí
- Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Mai Thị Xuân M, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn Bà M Thị Xuân M trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn Th kết hôn năm 2003, hôn nhân do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 26/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, ông Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không chăm lo cho gia đình từ đó dẫn đến bất hòa, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ năm 2014 ông bà đã

không sống chung đến nay. Bà M cho rằng không còn tình cảm nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/11/2004 và Nguyễn Mai Thành Tr, sinh ngày 02/7/2009. Bà M yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- * Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn Th nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- * Tại bản tự khai ngày 17/8/2022 và bản tự khai ngày 18/8/2022 cháu Nguyễn Quốc C và cháu Nguyễn Mai Thành Tr trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

- * Tại phiên tòa:

- Bà M Thị Xuân M có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Ông Nguyễn Văn Th không thống nhất với lời trình bày của Bà M về nguyên nhân mâu thuẫn, ông không có quan hệ với người phụ nữ khác và vẫn chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên trước yêu cầu ly hôn của Bà M thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung ông và Bà M có hai con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/11/2004 và Nguyễn Mai Thành Tr, sinh ngày 02/7/2009, ông đồng ý để Bà M được quyền nuôi con chung, ông không cấp dưỡng. Ông và Bà M không có tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- + Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân Bà M Thị Xuân M được ly hôn ông Nguyễn Văn Th, Bà M được quyền nuôi con chung, ông Th không phải cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa Bà M Thị Xuân M và ông Nguyễn Văn Th là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 28/12/2021 của Công an xã B, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Nguyễn Văn Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: nguyên đơn Bà M Thị Xuân M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà M.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà M Thị Xuân M và ông Nguyễn Văn Th kết hôn năm 2003, hôn nhân do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 26/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho Bà M và ông Th được đoàn tụ, nhưng Bà M cương quyết ly hôn, ông Th đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M, điều này chứng tỏ ông Th cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với Bà M, tại phiên tòa ông Th đồng ý với yêu cầu ly hôn của Bà M. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà M.

2.2 Về con chung: Bà M Thị Xuân M và ông Nguyễn Văn Th có hai con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/11/2004 và Nguyễn Mai Thành Tr, sinh ngày 02/7/2009, Bà M có yêu cầu được nuôi hai chung sau khi ly hôn, ông Th cũng đồng ý để Bà M được quyền nuôi hai con chung, các cháu Quốc Cường và Thành Trung có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai cháu Quốc Cường và Thành Trung còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của hai cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà M được quyền nuôi con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M Thị Xuân M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà M Thị Xuân M.

1. *Về hôn nhân:* Bà M Thị Xuân M được ly hôn ông Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 26/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung:* Bà M Thị Xuân M được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 28/11/2004 và Nguyễn Mai Thành Tr, sinh ngày 02/7/2009.

Ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Bà M Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002899 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo:* ông Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022), Bà M Thị Xuân M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc